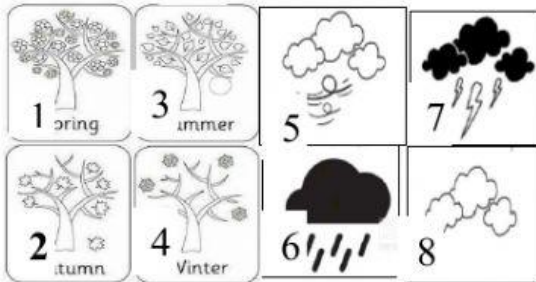




Họ và tên: Lớp:

Đề Thi Giữa Học Kỳ 1
Trường Kraipakdee Wittayakhom
Môn: Tiếng Việt (วิชา: ภาษาเวียดนาม)
Thời gian: 1 tiếng (เวลา: 1 ชม.)

A. Xem tranh và trả lời câu hỏi 1-8
 (ดูภาพแล้วตอบคำถามจากข้อ 1-8)



1. รูปที่ 1 ฤดูอะไร

- a. Mùa xuân c. Mùa thu
b. Mùa đông d. Mùa hè

2. รูปที่ 2 ฤดูอะไร

- a. Mùa xuân c. Mùa thu
b. Mùa đông d. Mùa hè

3. รูปที่ 3 ฤดูอะไร

- a. Mùa xuân c. Mùa thu
b. Mùa đông d. Mùa hè

4. รูปที่ 4 ฤดูอะไร

- a. Mùa xuân c. Mùa thu
b. Mùa đông d. Mùa hè

5. รูปที่ 5 คือ

- a. sấm sét c. bão
b. gió d. mây

6. รูปที่ 6 คือ

- a. sấm sét c. bão
b. gió d. mây

7. รูปที่ 7 คือ

- a. sấm sét c. bão
b. gió d. mây

8. รูปที่ 8 คือ

- a. sấm sét c. bão
b. gió d. mây
9. Thời tiết hôm nay nóng.



10. A: Thời tiết thế nào ?

B: Trời đang mưa.



11. Tôi thích tuyết rơi.



12. Hoa đội mũ rất đẹp.



13. Hôm nay tôi mang váy màu đỏ.



14. Cái áo này rất rộng.



15. Tôi muốn thù cái áo này là :

- a. ฉันชอบเสื้อตัวนี้
- b. ฉันอยากซื้อเสื้อตัวนี้
- c. ฉันอยากลองตัวนี้
- d. ฉันว่าเสื้อตัวนี้แพงเกินไป

16. ลดได้ไหม แปลว่า

- a. Bớt được không ?
- b. Bán được không ?
- c. Đúng giá không ?
- d. Thử được không ?

17. แพงเกินไป แปลว่า

- a. Rẻ quá.
- b. Đắt quá.
- c. Đẹp quá.
- d. To quá.

18. A: Cái này bao nhiêu tiền?

B: Cái này năm ngàn.....

- a. Đồng c. Riel
- b. Kip d. Dollar

19. Một cân chuối giá bao nhiêu?

- a.  c. 
- b.  d. 

20. Một cân chuối giá mười lăm nghìn đồng.

- a. แพง c. ราคา
- b. ลด d. ต้องการ

21. đắt quá là:

- a. แพงเกินไป c. ใหญ่เกินไป

- b. ถูกเกินไป d. เล็กเกินไป

Điền đối thoại sau sao cho hoàn chỉnh:

เติมคำศัพท์จากข้อ 22-27

B: Anh muốn(22)..... gì ạ?

M: Tôi muốn mua chuối.

Một cân chuối giá(23).....?

B: Một cân chuối(24)..... chín nghìn đồng.

M:(25).....! Bớt được không?

B: Không(26)..... ạ.

M: Không sao.

Cho tôi một(27)..... chuối.

22. Anh muốn(22)..... gì ạ?

- a. bán c. bớt
- b. mua d. được

23. Một cân chuối giá(23).....?

- a. bao nhiêu c. gì
- b. mấy d. không

24. Một cân chuối(24)..... chín nghìn đồng.

- a. đắt c. bớt
- b. mua d. giá

25.(25).....! Bớt được không?

- a. Rẻ quá !
- b. Đắt quá !
- c. Đẹp quá !
- d. To quá !

26. Không(26)..... ạ.

- a. đắt c. bớt
- b. rẻ d. được

27. Cho tôi một(27)..... chuối.

- a. đắt c. giá
- b. rẻ d. cân

28. คุณต้องการจะซื้ออะไร แปลว่า

- a. Bạn thích ăn gì ? c. Bạn thích táo không ?
- b. Bạn cần gì ? d. Bạn muốn mua gì ?

29. ภาชนะนี้มีกี่ฤดู

- a. 3 b. 4 c. 1 d. 2

30. สกุลเงินของประเทศเวียดนามคือ *

- a. กีบ b. จี๊ด c. ดั่ง d. บาท

Tự luận:อัตนัย

Nhìn tranh và chọn từ đúng nhất:

คำชี้แจง: ให้นักเรียนนำตัวเลือกที่กำหนดให้ไปเติมให้สัมพันธ์กับข้อความที่ถูกต้อง

Mắt

Miệng

bàn chân

bàn tay

Tai

Mũi

Đầu

ngón chân

a.



e.



b.



f.



c.



g.



d.



h.



Cô Trang